TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115/2017/DS-PT**
Ngày 29-12-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thnh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Loan
Ông Nguyễn Viết Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Đào-Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2017/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 37/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Q bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 103/2017/QĐPT-DS ngày 14 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1987 (có mặt)

Cư trú tại địa chỉ thôn 10, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn:*

1. Ông **Thượng Văn X** sinh năm 1960 (có mặt)
2. Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1964 (có mặt)

Cùng cư trú tại địa chỉ tổ 7, ấp H, xã A, huyện Q, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Đặng Đình Kh**, sinh năm 1980 (có mặt)

Cư trú tại địa chỉ thôn 10, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Nguyễn Thị Hồng P**, sinh năm 1992 (có mặt)

Cư trú tại địa chỉ thôn T, xã N, huyện P, tỉnh Bình Phước

2. Bà **Hoàng Thị Kim L**, sinh năm 1985 (có mặt)

Cư trú tại địa chỉ thôn 11, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước

3. Ông **Đinh Thế T**, sinh năm 1991 (có mặt)

Cư trú tại địa chỉ thôn T, xã N, huyện P, tỉnh Bình Phước

- Người kháng cáo: Bị đơn ông **Thượng Văn X** và bà **Nguyễn Thị Th**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Năm 2015, chồng bà H là ông Đặng Đình Kh-Cán bộ tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có làm thủ tục vay vốn của Ngân hàng cho vợ chồng ông Thượng Văn X bà Nguyễn Thị Th. Đến ngày trả nợ cho Ngân hàng, do không có tiền trả nên ông X bà Th có nhờ ông Kh giúp cho vay số tiền 300 triệu đồng để trả nợ Ngân hàng. Ông Kh đồng ý và nói với bà H mang tiền cho ông X bà Th vay thì bà H cũng đồng ý. Ngày 13-07-2016, bà Th là vợ của ông X có đến Ngân hàng là nơi làm việc của bà H tại vị trí Quầy số 07 và có nhận của bà H số tiền 300 triệu đồng. Sau khi nhận đủ số tiền trên xong, bà Th đã làm thủ tục trả nợ và nhận lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ), bà Th đã giao luôn 02 GCNQSDĐ cho bà H cũng tại Quầy số 07. Việc giao tiền và nhận các GCNQSDĐ đều không được lập Thnh văn bản.

Sau khi đã nhận đủ tiền, ông X bà Th có nhờ ông Kh làm hồ sơ vay lại tiền nhưng do ông X bà Th đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho một số người dẫn đến có tranh chấp nên không vay lại tiền được. Do không vay tiền được ở Ngân hàng nên ông Kh hứa với ông X sẽ giúp làm hồ sơ cho ông X vay tiền ở Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh Phước Bình. Ban đầu bà Th đồng ý nhưng sau đó ông X bà Th lại nói không vay tiền nữa mà sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất để trả nợ cho ông Kh bà H. Ông Kh bà H đã nhiều lần qua nhà ông X bà Th để yêu cầu ông X bà Th trả tiền hoặc là lập hồ sơ vay tiền để lấy tiền trả cho ông Kh bà H nhưng ông X bà Th không trả và tuyên bố không có vay tiền của ông Kh bà H vì không có giấy tờ chứng minh. Do đó, bà H khởi kiện yêu cầu ông X bà Th phải trả đầy đủ số tiền vay gốc là 300 triệu đồng và tiền lãi kể từ ngày vay cho đến khi xét xử sơ thẩm là 21 triệu đồng.

Bị đơn ông Thượng Văn X bà Nguyễn Thị Th trình bày: Ông X bà Th không có quen biết bà H mà chỉ quen biết ông Kh. Trước đây ông Kh có làm thủ tục giúp ông X bà Th vay tiền nhưng không có việc vay tiền của ông Kh bà H.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 37/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước đã quyết định: *"Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, buộc bị đơn ông Thượng Văn X và bà Nguyễn Thị Th cùng có trách nhiệm liên đới phải trả đầy đủ số tiền vay gốc 300 triệu đồng cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đặng Đình Kh. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đặng Đình Kh về việc yêu cầu buộc ông Thượng Văn X bà Nguyễn Thị Th trả số tiền lãi 21 triệu đồng.";* ngoài ra còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau đó, ngày 05-10-2017, bị đơn ông Thượng Văn X bà Nguyễn Thị Th có đơn kháng cáo phúc thẩm yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H về việc buộc trả lại số tiền vay 300 triệu đồng.

Ý kiến của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thượng Văn X bà Nguyễn Thị Th, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Vụ án này do có kháng cáo của bị đơn ông Thượng Văn X và bà Nguyễn Thị Th theo thủ tục phúc thẩm nên thuộc thẩm quyền giải quyết phúc thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước theo Điều 38 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Thượng Văn X và bà Nguyễn Thị Th thấy rằng: Mặc dù không có văn bản về việc giao nhận số tiền vay 300 triệu đồng giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Thượng Văn X bà Nguyễn Thị Th nhưng căn cứ vào mối quan hệ giữa bà H ông Kh và ông X bà Th, căn cứ vào sự việc, thời gian, địa điểm ông X bà Th vay và trả số tiền 300 triệu đồng cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn-Chi nhánh N, huyện P, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào việc ông X bà Th giao các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông X bà Th cho bà H ông Kh để đảm bảo và làm thủ tục cho ông X bà Th được tiếp tục vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn-Chi nhánh N, huyện P, tỉnh Bình Phước và căn cứ việc lời khai của những người làm chứng bà Nguyễn Thị Hồng P, bà Hoàng Thị Kim L đều chứng kiến được sự việc bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp giao số tiền 300 triệu đồng cho bà Nguyễn Thị Th và bà Th đã trực tiếp nhận số tiền 300 triệu đồng trên để bà

Th đáo hạn trùng với thời gian, địa điểm của các căn cứ trên. Như vậy, có đầy đủ căn cứ và chứng cứ về việc bà H ông Kh cho ông X bà Th vay số tiền 300 triệu đồng và bà Th đã trực tiếp nhận đầy đủ số tiền 300 triệu đồng do bà H trực tiếp giao vào lúc khoảng 08 giờ 30 phút ngày 13-07-2016 tại Quầy số 07 ở Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn-Chi nhánh N, huyện P, tỉnh Bình Phước để ông X bà Th trả nợ số tiền 300 triệu đồng mà ông X bà Th đã vay trước đó cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn-Chi nhánh N, huyện P, tỉnh Bình Phước. Trong khi đó lời khai của ông X bà Th thì có nhiều mâu thuẫn về nguồn gốc số tiền 300 triệu đồng để trả nợ vay cho Ngân hàng, mâu thuẫn về người trực tiếp nhận các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông X bà Th. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng vay tài sản và buộc ông X bà Th cùng có trách nhiệm liên đới phải trả cho bà H ông Kh 300 triệu đồng tiền vay gốc là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên cần phải giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm. Vì vậy, kháng cáo của ông X bà Th là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Thượng Văn X bà Nguyễn Thị Th, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm, buộc ông Thượng Văn X bà Nguyễn Thị Th cùng có trách nhiệm liên đới phải trả đầy đủ số tiền vay gốc 300 triệu đồng cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đặng Đình Kh là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông X bà Th không được chấp nhận nên ông X bà Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Thượng Văn X và bà Nguyễn Thị Th, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 37/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

[2] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

Áp dụng các điều 471, 474, khoản 1 Điều 476, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 25 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 được sửa đổi, bổ sung năm 2010,

Buộc bị đơn ông Thượng Văn X và bà Nguyễn Thị Th cùng có trách nhiệm liên đới phải trả đầy đủ số tiền vay gốc 300 (ba trăm) triệu đồng cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đặng Đình Kh.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Án phí dân sự: Áp dụng Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự 2004 được sửa đổi, bổ sung năm 2011; Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thượng Văn X và bà Nguyễn Thị Th cùng phải chịu 15 triệu đồng. Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đặng Đình Kh cùng phải chịu 1.050.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 7.500.000 đồng mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Toà án số 0012146 ngày 30 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q, tỉnh Bình Phước. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền còn lại là 6.450.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thượng Văn X và bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông X bà Th đã nộp theo Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Toà án số 0012343 ngày 05 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Toà án nhân dân huyện Hớn Quản;
- Chi cụcThi hành án Dân sự huyện Q;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Những người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử Toà án nhân dân tối cao;
- Lưu HS, TDS, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Nhân